TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯNG HÀ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28-02-2020
V/v: Ly hôn giữa
chị G và anh T.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Chuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đắc Nghị

2. Bà Vũ Thị Khánh Hòa

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Doãn Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Lân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 339/2019/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp " Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1994

Địa chỉ: Khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh T; có mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Vũ Ngọc T, sinh năm 1980

Đăng ký HKTT: Khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh T.

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại: Đội 13, phân trại số 2, trại giam N, xã T, huyện K, tỉnh H; anh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị G trình bày:

Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Vũ Ngọc T do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân (Viết tắt là UBND) thị trấn H, huyện H, tỉnh T vào ngày 19-5-2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 7-2017, anh T bị bắt và xét xử về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", hiện nay anh T đang chấp hành án thời hạn là 07 năm 06 tháng tù tại trại giam N, xã T, huyện K, tỉnh H, từ đó vợ chồng xa cách, lạnh nhạt tình cảm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T.

Về nuôi con chung: Chị và anh T không có con chung.

Về chia tài sản: Chị và anh T không có tài sản chung, không vay nợ ai.

Tại bản tự khai và đơn đề nghị ngày 12-02-2020, bị đơn anh Vũ Ngọc T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị G kết hôn với nhau là do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H, huyện H, tỉnh T vào ngày 19- 5-2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến tháng 7-2017 anh bị bắt về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", hiện nay anh đang chấp hành án phạt tù, mức án là 07 năm 06 tháng tại trại giam N, tỉnh H. Nay anh xác định vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, anh đồng ý ly hôn với chị G.

Về nuôi con chung: Anh và chị G không có con chung.

Về chia tài sản: Anh và chị G không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh và chị G không vay nợ cá nhân, tổ chức nào và không cho ai vay nợ.

Anh T đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và xét xử của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Toà án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, chị G, anh T đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị G được ly hôn anh Vũ Ngọc T; về nuôi con chung: Không có; về chia tài sản: Chị G và anh T không có tài sản chung. Chị G phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*: Chị Nguyễn Thị G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Vũ Ngọc T. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên được xác định là "Ly hôn". Anh T có hộ khẩu thường trú tại Khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh T, hiện đang chấp hành án tại trại giam N, xã T, huyện K, tỉnh H, anh T nhất trí Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình giải quyết vụ án ly hôn do chị G khởi kiện nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh T có đơn xin vắng mặt trong các buổi làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa xét xử nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị G và anh Vũ Ngọc T kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H vào ngày 19-5-2015, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận đến tháng 7-2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do anh T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và đang phải chấp hành án phạt tù, mức án là 07 năm 06 tháng tại trại giam N, tỉnh H. Nay chị G và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, chị G khởi kiện ly hôn, anh T cũng nhất trí. Hội đồng xét xử thấy: Chị G và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị G và anh T ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị G và anh T không có con chung.

[4] Về chia tài sản: Chị G và anh T không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí: Chị G phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị G và anh Vũ Ngọc T.

2. Về nuôi con chung: Chị G và anh T không có con chung.

3. Về chia tài sản: Chị G và anh T không có tài sản chung.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000đồng chị Gần đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005821 ngày 05-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà thành tiền án phí ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị G có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn H;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Chuyên